



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**  
 Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.20.02.2025

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM**

**I. Thông tin mẫu:**

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

10.02.25.A8 (M1): Vòi phát Xí nghiệp Nước Thành Phố

10.02.25.A9 (M2): GD Trần Thị Thuý - Số 08/04 - Ngõ 14 - Đồng Lôi - Tổ 01 - Kỳ Bá - TPTB

10.02.25.A10 (M3): GD Hoàng Minh Hải - Số 03 - Ngõ 420 - Lý Thường Kiệt - Tổ 10 - Trần Lãm - TPTB

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Thành Phố

5. Địa chỉ: Số 02 - Đường Trần Thủ Độ - Phường Tiền Phong - Thành Phố Thái Bình.

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Nguyễn Thị Tươi

7. Ngày nhận mẫu: 10/02/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 10/02/2025

**II. Kết quả phân tích:**

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025	4	< 3	7	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	/	Không có mùi vị lạ
3.	pH (**)	TCVN 6492:2011	7.26	7.31	7.29	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (**)	TCVN 12402-1:2020	0.465	0.446	0.435	NTU	2
5.	Clo dư (**)	Method 8021	0.54	0.40	0.30	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (**)	Method 8008	0.02	< 0.02	0.02	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (**)	Method 8149	< 0.006	< 0.006	< 0.006	mg/L	0.1

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017

4. "\*\*" Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH  
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KÊ HOẠCH KỸ THUẬT

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, TP Thái Bình

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: [www.capnuocthaibinh.com](http://www.capnuocthaibinh.com)

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.20.02.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01:1-2018/BYT
			M1	M2	M3		
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996	160	165	155	mg/L	300
9.	Hàm lượng Anion	Method 8038	0.05	0.05	0.06	mg/L	0.3
10.	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	Method 8507	0.002	< 0.002	< 0.002	mg/L	0.05
11.	Hàm lượng Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	Method 8051	14	13	15	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0.42	0.25	0.25	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua	TCVN 6194:1996	5.67	5.67	4.96	mg/L	250 hoặc 300

2. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCDP 01: 2023/TB
			M1	M2	M3		
1.	Coliform (**)	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 3
2.	E.coli (***)	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

**Ghi chú:** KPH – không phát hiện.

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml



Trần Văn Đức

TRƯỞNG PHÒNG KH-KT

Nguyễn Trung Kiên

Thái Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2025

TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM

Phùng Thị Thu Hà

**Lưu ý:** 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPHN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01. Rv01-01/08/2023

2/2